TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **59**/2024/QĐST-HNGĐ	*Na Hang, ngày 09 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ thụ lý số: **58/2024/TLST-HNGĐ** ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hử Thị T, sinh năm: 1982.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình K, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hử Thị T và anh Nguyễn Đình K (Giấy chứng nhận kết hôn số: 34, ngày 09/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày: 24/01/2010 cho chị Hử Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Đình K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng),

phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Nguyễn Đình K chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

* Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Hử Thị T tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số: 0000859 ngày 02/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, hoàn trả cho chị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh: Nguyễn Đình K phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Năng Khả, huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trường Giang